

Bản án số: 59/2019/HSST
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đồng Văn Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên
tòa: Ông Nguyễn Đức Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái
Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
63/2019/HSST, ngày 31 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 03/8/1995.

ĐKNKTT: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Văn hoá: 09/12;
Nghề nghiệp: không; Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1968; con bà: Hứa Thị T,
sinh năm 1973. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Cụt
Thị K, sinh năm 1996; Con: có 01 con, sinh năm 2016. Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày
04/12/2018 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1989 (có đơn xin xử vắng).

Nơi cư trú: Tổ G, phường PĐ, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn K, sinh năm 1991 (vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Tổ A, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Trần Lệnh Q, sinh năm 1994 (vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Tổ I, phường ĐQ, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1992 (vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây, Trường đã từng làm việc tại Công ty May G thuộc tổ K, phường PD, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên nên biết chị Phạm Thị N là nhân viên của Công ty May G thường xuyên để 01 chiếc máy tính xách tay trên bàn làm việc tại phòng Lễ tân... của công ty. Khoảng 12 giờ ngày 17/8/2018, T một mình đi bộ đến phòng Lễ tân... Công ty May G, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T mở cửa và đi vào trong phòng thì thấy không có ai, trên bàn làm việc của chị N có 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER, màu đen đang cắm sạc. T đi đến chỗ chiếc máy tính, dùng tay trái rút dây sạc của chiếc máy tính và cởi chiếc áo khoác sơ mi màu đỏ T đang mặc ra, dùng chiếc áo gói kín chiếc máy tính lại và ôm trước ngực rồi đi khỏi phòng. Sau đó, T mang chiếc máy tính vừa trộm cắp được của chị N đến khu vực tổ A, phường TL, thành phố TH và bán cho anh Trần Văn K với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, anh K đã bán lại chiếc máy tính trên cho anh Trần Lệnh Q với giá 2.500.000 đồng (cả anh K và anh Q đều không biết chiếc máy tính trên là tài sản do phạm tội mà có). Số tiền bán chiếc máy tính, T đã mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Phạm Thị N đã làm đơn trình báo Công an phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên đề nghị giải quyết. Ngày 18/8/2018, chị N đã chuộc lại chiếc máy tính trên do anh Q đang quản lý với giá 2.500.000 đồng và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên để phục vụ quá trình điều tra

Tại bản Kết luận số 252 ngày 01/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên, kết luận: 01 chiếc laptop nhãn hiệu ACER màu đen, số hiệu ASPIRE 3A315-31, đã qua sử dụng có giá trị 4.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án là: 01 chiếc laptop nhãn hiệu ACER màu đen, số hiệu ASPIRE 3A315-31, đã qua sử dụng, đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Phạm Thị N quản lý, sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 67/CT- VKSTPTN, ngày 29/01/ 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt đối với bị cáo Hoàng Văn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù; miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- **Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

- **Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội:** Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản làm việc, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, Kết luận của hội đồng định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 17/8/2018, tại khu vực tổ K, phường PĐ, thành phố TH, Hoàng Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER trị giá 4.000.000 đồng của chị Phạm Thị N. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi đó cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, cùng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi phạm tội bị cáo không có mặt tại địa phương, khi biết mình bị khởi tố đã tự nguyện đến đầu thú tại cơ quan có thẩm quyền nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Tuy bị cáo là người chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu nhưng theo nhận xét của Công an địa phương nơi cư trú của bị cáo thì bị cáo là đối tượng có biểu hiện nghiện ma túy và có biểu hiện trộm cắp vặt, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã nghiện ma túy.

Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần có mức hình phạt tương xứng với tội trạng mà bị cáo đã gây ra, buộc cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành người lương thiện.

Xét điều kiện kinh tế của bị cáo nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát là phù hợp.

Trong vụ án này, anh Trần Văn K là người đã mua chiếc máy tính xách tay do T trộm cắp được, sau đó bán lại cho anh Trần Lệnh Q. Tuy nhiên, cả anh K và anh Q đều không biết chiếc máy tính xách tay là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh K và anh Q.

Về phần dân sự: Xét thấy bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường là tự nguyện nên chấp nhận.

- Về những vấn đề khác:

Án phí: Bị cáo Hoàng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước, theo quy định của pháp luật.

Thông báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2018.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật TTHS năm 2015 Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

* Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về dân sự: không giải quyết do bị hại không yêu cầu.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng Văn T, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo; kể từ ngày bị hại nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Bị hại.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà